

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986; HKTT: ấp X, xã X1, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Địa chỉ liên lạc: số 35/13 H, tổ 9, khu phố 3, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp T1, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Phương A kết hôn do quen biết. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X1, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 15/12/2014.

Sau khi kết hôn, anh và chị Phương A chung sống tại Việt Nam được khoảng một năm thì anh sang Nhật làm việc còn chị Phương A ở lại Việt Nam

sinh con. Khoảng một năm sau, chị Phương A và con gái sang Nhật sống chung với anh. Lúc này giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nhận thấy cách cư xử của chị Phương A với gia đình anh không tôn trọng, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị Phương A không thay đổi và việc quản lý tiền bạc của chị Phương A không tốt, anh đi làm gửi tiền về nhưng vẫn không có dư. Đến năm 2019, chị Phương A về Việt Nam sinh con thì mâu thuẫn càng ngày càng lớn, giữa vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau. Anh chị đã chính thức sống ly thân, không còn sự quan tâm, chia sẻ từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian đó, anh có đến thăm con nhưng giữa anh và chị Phương A không có bàn bạc để hàn gắn đoàn tụ. Gia đình hai bên không có ý kiến về việc anh yêu cầu ly hôn, để cho anh chị tự quyết định.

Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Phương A, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân được nữa nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: anh và chị Phương A có hai con chung là cháu Nguyễn Vi H, sinh ngày 11/6/2015 và cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 23/12/2019, hiện đang sống chung với chị Phương A. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu con chung giao cho chị Phương A trực tiếp nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương A trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Chị thống nhất như lời trình bày của anh P về điều kiện, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống.

Tuy nhiên, theo chị thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn bốn năm, đến tháng 4 năm 2021 mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không sống chung nên không thể tâm sự, chia sẻ, thấu hiểu lẫn nhau. Nay anh P xin ly hôn thì chị không đồng ý bởi các lý do anh P đưa ra là không thỏa đáng. Chị vẫn tôn trọng và cư xử tốt với gia đình anh P. Về việc quản lý tiền bạc thì chị thừa nhận anh P đi làm có gửi tiền về và chị chỉ dùng số tiền này để lo cho con, đóng tiền mua nhà trả góp chứ hoàn toàn không chi xài gì quá đáng. Theo chị, vợ chồng có mâu thuẫn và cần thời gian để bình tĩnh suy nghĩ lại, khi nào không giải quyết được nữa chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị và anh P có hai con chung là cháu Nguyễn Vi H, sinh ngày 11/6/2015 và cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 23/12/2019, hiện đang sống chung với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho anh P được ly hôn, chị đồng ý trực tiếp nuôi hai con chung và đồng ý mức cấp dưỡng mà anh P đưa ra là định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo P luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo P luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P. Về hôn nhân: anh P được ly hôn với chị Phương A. Về con chung: cháu Nguyễn Vi H, sinh ngày 11/6/2015 và cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 23/12/2019, giao cho chị Phương A được trực tiếp nuôi, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: anh P và chị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Phương A và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ P luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh P có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương A có nơi cư trú tại ấp T1, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn P, Hội đồng xét xử nhận định: Anh P và chị Phương A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X1, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 15/12/2014. Hôn nhân của anh chị được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuân thủ đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa anh P và chị Phương A phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, cách sống, cách cư xử không hợp nhau, giữa vợ chồng lại không thể trao đổi chia sẻ để tìm cách giải quyết do nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến sự việc kéo dài làm tình cảm vợ chồng phai nhạt. Tại phiên

tòa, chị Phương A cho rằng cần thêm thời gian để vợ chồng có thể cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng anh P khẳng định không còn tình cảm với chị Phương A và kiên quyết giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn, nhất định không thay đổi. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa vợ chồng phải có sự thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau... nhưng giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài không thể khắc phục được nếu chỉ xuất phát từ một phía. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của anh P và chị Phương A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về con chung: anh P và chị Phương A có hai con chung là cháu Nguyễn Vi H, sinh ngày 11/6/2015 và cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 23/12/2019, hiện đang sống chung với chị Phương A. Anh P yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao chị Phương A trực tiếp nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phương A không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P thì chị đồng ý tiếp tục nuôi hai con chung và đồng ý mức cấp dưỡng anh P đưa ra. Hội đồng xét xử xét thấy hai con chung còn nhỏ tuổi, đều là con gái và đã sống chung với chị Phương A từ trước đến nay nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị Phương A trực tiếp nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng cho con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: anh P và chị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: anh P và chị Phương A đều thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương A.

Về con chung: hai con chung là cháu Nguyễn Vi H, sinh ngày 11/6/2015 và cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 23/12/2019, giao cho chị Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi.

Ghi nhận anh Nguyễn Văn P tự nguyện cấp dưỡng cho con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được P luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Phương A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Phương A thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí:

Án phí đối với yêu cầu ly hôn: Anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001632 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kim Ngân